

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2020/HS-PT
Ngày 16-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 16 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 156/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Thị T và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T và các bị cáo khác, đại diện hợp pháp của bị hại, các bị hại khác và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 199/2020/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Vũ Thị T, sinh năm 1966 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: khu phố A, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Đinh Thị L1 (đã chết); có chồng là ông Phạm Xuân O và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Đinh Xuân C, sinh năm 1975 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: khu phố 3, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký tạm trú: xã H, huyện I, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con công Đinh Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị H1 (đã chết); có vợ là bà Vũ Thị H2 và 02 người con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005); tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2016 và đến ngày 09/11/2016 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Đinh Văn H, sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Thôn Minh Thành, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú: Ấp 3, xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân Xương (đã chết) và bà Vũ Thị Thắm; có vợ tên là Vũ Thị Gấm và 02 người con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009); tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Tấn Th1 là Luật sư Văn phòng luật sư H S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T (có mặt).

2. Bà Hứa Thị Th2 là Luật sư Văn phòng luật sư V P thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Bị hại:

1. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1999; nơi cư trú: khu phố M, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Xuân O, sinh năm 1965; nơi đăng ký thường trú: khu phố M, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông Phạm Văn U, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: khu phố M, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3. Bà Phạm Thùy L, sinh năm 2001; nơi đăng ký thường trú: khu phố M, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Dương Công T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 08 bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị T được Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 230338, AD 230339 ngày 08/7/2009, với diện tích 165m², tờ bản đồ số 1AB, thửa đất số 2001, 2002 (thuộc khu D1-LÔ 22,40) địa chỉ thửa đất tại khu nhà ở S, phường D, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương; nguồn gốc quyền sử dụng đất là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đ N (địa chỉ: đại lộ X, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Theo quy chế xây dựng khu nhà ở S, thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 16/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, quy chế về quản lý xây dựng: Các căn hộ xây dựng trong khu nhà ở S được miễn giấy phép xây dựng; chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc xây dựng; chủ hộ, đơn vị thiết kế, thi công thực hiện theo đúng quy định trong Quy chế quản lý xây dựng; Cơ quan quản lý Nhà nước và địa phương có trách nhiệm kiểm tra định kỳ 02 tuần/01 lần của quá trình xây dựng trong khu nhà ở.

Do có nhu cầu xây dựng nhà để kinh doanh hoạt động karaoke gia đình trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên ngày 15/5/2009, Vũ Thị T ký hợp đồng thiết kế kỹ thuật thi công với Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng và dịch vụ D M Đ do ông Dương Công T3 làm Giám đốc, với bản vẽ thiết kế nhà có kết cấu 01 trệt, 02 lầu, mái lợp tole. Sau khi có bản vẽ thiết kế, Vũ Thị T tự mua vật liệu xây dựng và thuê Đinh Xuân C (là em cô cậu với T) thi công với giá tiền 600.000 đồng/m² (sáu trăm nghìn đồng trên một mét vuông). Khi thuê C thi công T có hỏi về bằng cấp xây dựng, C nói có đủ bằng cấp chuyên môn về bằng cấp xây dựng. Đối với C không có giấy phép hành nghề xây dựng nhưng vẫn nhận thi công công trình cho T, giữa C và T có giao kết hợp đồng bằng lời nói, sau đó C thuê Đinh Văn H xây dựng phần thô công trình với giá 400.000 đồng/m² (bốn trăm nghìn đồng trên một mét vuông), còn C mua cốt pha sơn nước và đi đường điện nước và trả tiền công thợ, báo số lượng vật liệu xây dựng cho T đi mua. Giữa C và H cũng chỉ giao kết hợp đồng thi công bằng lời nói.

Trong quá trình xây dựng từ tháng 7/2009 đến tháng 10/2009, bị cáo C và H thi công căn nhà sắp xong theo thiết kế thì Vũ Thị T kêu Đinh Xuân C xây dựng thêm 02 tầng nữa (tầng 03 và tầng 04) so với thiết kế thi công ban đầu để mở rộng kinh doanh và được Đinh Xuân C, Đinh Văn H đồng ý xây dựng thêm.

Đầu tháng 12/2009, căn nhà xây dựng sắp hoàn thiện, chỉ còn sơn sửa một số hạng mục nhỏ, gia đình bị cáo Vũ Thị T đã dọn về ở. Đến khoảng 15 giờ ngày 19/12/2009, trong lúc một số nhân công đang thi công thì căn nhà tự sụp đổ hoàn toàn gây ra hậu quả như sau:

- 03 (ba) người chết, gồm: Phạm Anh T2 là con ruột Vũ Thị T; Vũ Thị X và Đinh Văn Ch.

- 08 (tám) người bị thương, gồm: Nguyễn Đình B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình H, Trần Đình T4, Phạm Văn H đều là thợ sơn; Vũ Huy M là thợ hồ; Phạm Văn U và Phạm Thùy L là con ruột Vũ Thị T.

- Tài sản bị hư hỏng, gồm: 05 (năm) xe mô tô cụ thể: xe mô tô biển số 61L9-2241 của Nguyễn Đình Hiếu, xe mô tô biển số 64F1-3615 của Phạm Văn H, xe mô tô biển số 36X1-1977 của Nguyễn Văn N, xe mô tô biển số 61Z1-6433 của Đinh Xuân C, xe mô tô biển số 14F4-3590 (chưa xác định được chủ sở hữu).

* Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 555/2009/GDPY ngày 29/12/2009 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Nguyên nhân chết của tử thi Đinh Văn Chất là do chấn thương sọ não, dập não.

* Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 556/2009/GDPY ngày 29/12/2009 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Nguyên nhân chết của tử thi Vũ Thị X là do choáng đa chấn thương, gãy cổ, đứt động mạch đùi hai bên, gãy nhiều xương (đùi, sườn, ức...), choáng mất máu không hồi phục.

* Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 557/2009/GDPY ngày 29/12/2009 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Nguyên nhân chết của tử thi Phạm Anh T2 là do đa chấn thương, chấn thương sọ não, lõm biến dạng xương hộp sọ.

* Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 459/2016/GDPY ngày 29/12/2016 Trung tâm pháp y thuộc sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Phạm Thùy L bị vết thương mất da mặt sau đùi phải (32 x 32) cm, vết thương mất da 1/3 dưới mặt ngoài cẳng chân phải (09 x 04) cm, đã phẫu thuật ghép da, sọ lạnh; vết thương 1/3 dưới mặt ngoài cẳng chân trái (05 x 02) cm, vết thương mặt ngoài cổ chân trái (08 x 05) cm, vết thương mu bàn chân trái (05 x 04) cm, vết thương lòng bàn chân trái (09 x 0,8) cm, sọ lạnh. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định 53% (năm mươi ba phần trăm).

- Nguyễn Đình B bị gãy xương ống chân trái, gãy xương ống tay trái; Nguyễn Văn N bị chấn thương vùng bụng ngực; Nguyễn Đình H bị gãy xương bả vai trái, gãy xương hàm dưới ngạnh bên phải; Trần Đình T4 bị chấn thương vùng đầu, đầu gối chân phải; Phạm Văn H bị thương vùng đầu, vai; Vũ Huy M bị chấn thương đầu, chấn thương cột sống; Phạm Văn U bị chấn thương hai bàn tay, hai đầu gối chân. Các bị hại trên từ chối, không yêu cầu giám định thương tích.

Đối với xe mô tô biển số 61L9-2241, xe mô tô biển số 64F-3615, xe mô tô biển số 36X1-1977, xe mô tô biển số 61Z1-6433, xe mô tô biển số 14F4-3590. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương không định giá

được do vào thời điểm 2009, Sở Tài chính không có cơ sở dữ liệu về giá của các loại xe mô tô trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trưng cầu Phân viện khoa học Công nghệ Xây dựng miền Nam giám định nguyên nhân sự cố sập nhà. Kết quả giám định sự cố sập công trình ngày 30/5/2016 của Phân viện khoa học Công nghệ Xây dựng miền Nam, kết luận:

+ Căn cứ hồ sơ thu thập, Phân viện khoa học Công nghệ Xây dựng miền Nam xác định công trình được xây dựng không đúng với thiết kế bản vẽ thi công và bản vẽ xin phép xây dựng: Công trình xây dựng tăng thêm 02 tầng (tầng 03 và tầng 04) so với thiết kế ban đầu. Việc xây dựng thêm 02 tầng đã làm gia tăng tải trọng lên công trình dẫn đến các cột ở trục 1-F và 1-G (cột C5, C6) từ cổ móng đến tầng trệt đã tiệm cận tới trạng thái giới hạn chịu lực, các cột ở trục 1 là 1-C, D, E, F, G và H (cột C2, C3, C4, C5, C6, C7) từ tầng trệt đến sàn tầng 01 không đảm bảo khả năng chịu lực. Đây là nguyên nhân chính gây sụp đổ công trình.

+ Chênh lún nền giữa các vị trí dưới hàng cột trục 1 và 3, tải trọng gió là nguyên nhân phụ thêm làm gia tăng nội lực trong cột làm tăng nặng thêm sự cố do nguyên nhân chính dẫn đến.

* Bản Kết luận định giá ngày 12/12/2006 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương định giá căn nhà bị thiệt hại vào thời điểm ngày 19/12/2009 là đối với loại nhà 01 trệt 03 lầu (04 tầng) có kết cấu mái bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch có đơn giá là 3,3000.000 đồng/m², tổng diện tích 582,08m² x 3.300.000 đồng/m² = 1.920.864.000 (một tỷ chín trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận giám định tử thi, Kết luận giám định thương tích, Kết luận giám định sự cố sập nhà và Kết luận định giá nêu trên.

Đối với Dương Công T3, giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Dịch vụ D M Đ được bị cáo Vũ Thị T thuê vẽ thiết kế nhà. Sau đó, T thuê Đinh Xuân C xây dựng, do vậy Dương Công T3 không liên quan đến việc thi công công trình của Vũ Thị T.

Đối với Cơ quan thanh tra xây dựng huyện D (nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương); Ban quản lý dự án khu công nghiệp S thuộc Công ty Cổ phần Đ N, qua xác minh đến nay chưa có cơ sở xử lý trách nhiệm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đặt ra xử lý.

Đối với ông Phạm Xuân O (chồng bị cáo Vũ Thị T), trong quá trình xây dựng nhà thì ông giao toàn bộ cho bị cáo T quyết định, không liên quan đến sự cố sập nhà nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 199/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C, Đinh Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 298; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Xuân C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/8/2016 đến ngày 09/11/2016.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh Xuân C bồi thường cho bị hại Phạm Xuân O số tiền 1.920.064.000 đồng x 35% = 672.022.400 đồng.

Buộc bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho bị hại Phạm Xuân O số tiền 1.920.064.000 đồng x 25% = 480.016.000 đồng.

Ngoài ra, bản án có tuyên về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 17/06/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm và tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C, Đinh Văn H.

Ngày 19/6/2020, bị cáo Vũ Thị T kháng cáo kêu oan và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo Vũ Thị T không phạm tội. Đồng thời xem xét vai trò của cá nhân, tổ chức có liên quan như Công ty Cổ phần Đ N, ông Dương Công T3 và Công ty D M Đ.

Ngày 16/6/2020, bị cáo Đinh Xuân C kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Đinh Văn H kháng cáo kêu oan và đề nghị không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Ngày 19/6/2020, ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L kháng cáo yêu cầu tuyên bố Vũ Thị T vô tội; tăng nặng hình phạt đối với Đinh Xuân C, Đinh Văn H và xem xét lại trách nhiệm dân sự; yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Dương Công T3, trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đ N và cơ quan quản lý nhà về xây dựng đối với dự án của Công ty Đ N.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn H thay đổi nội dung kháng cáo không kêu oan mà xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày quan điểm: Về thời hạn kháng cáo, các đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân Cầu, Đinh Văn H; của đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Anh T2 là ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn Uyên và bà Phạm Thùy L; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đều đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với cả ba bị cáo, tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Vũ Thị T mức án 03 (ba) năm tù là phù hợp, do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút kháng nghị đối với bị cáo Vũ Thị T. Đối với kháng cáo của bị cáo T; kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L cho rằng bị cáo T bị oan: Xét thấy, bị cáo giữ vai trò là chủ thầu, bị cáo yêu cầu bị cáo C xây dựng vượt quá thiết kế ban đầu, gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Tuy bản thân bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng vì nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã cố ý về hành vi để hậu quả rất nghiêm trọng xảy ra đây là lỗi của bị cáo. Bị cáo, chồng và các con của bị cáo cho rằng bị cáo bị oan nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

Về hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C và bị cáo Đinh Văn H: Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo vì cho rằng bị cáo C không có trình độ chuyên môn về xây dựng nhưng vẫn nhận làm nhà cao tầng cho bị cáo T, sau đó bán phần xây thô lại cho bị cáo H (bị cáo H cũng không có trình độ chuyên môn). Khi được yêu cầu xây dựng thêm tầng trên nền móng ban đầu, các bị cáo biết có thể nguy hiểm nhưng vì lợi ích nên các bị cáo vẫn thực hiện, cho thấy các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hậu quả làm chết 03 người, 08 người bị thương và thiệt hại toàn bộ giá trị ngôi nhà. Do đó, hành vi của các bị cáo Đinh Xuân C, Đinh Văn H là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quy định về quản lý chất lượng công trình trong lĩnh vực xây dựng đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đinh Xuân C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Đinh Văn H mức hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù là nhẹ, chưa phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C, tăng mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; tăng mức hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù. Đồng thời, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo C và bị cáo Đinh Văn H. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Xuân O, Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L về đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C, Đinh Văn H.

Đối với yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của ông Dương Công T3 và đại diện Công ty Đ N: Ông Dương Văn T3 là người thiết kế công trình nhưng khâu xây dựng và giám sát Vũ Thị T và Đinh Xuân C thực hiện. Do đó không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Dương Công T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã xác minh làm rõ đối với Công ty Cổ phần Đ N, xét thấy không có cơ sở xem xét trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đ N.

Đối với kháng cáo của ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L về trách nhiệm dân sự: Đối với căn nhà bị thiệt hại đã được định giá đúng quy định nên yêu cầu tăng mức bồi thường là không có cơ sở. Bị hại L yêu cầu của các bị cáo H và C bồi hoàn số tiền 248.585.000 đồng điều trị thương tích do mất khả năng lao động. Nhưng trong quá trình xét xử sơ thẩm bà L không yêu cầu và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không cung cấp, bổ sung các chứng từ. Vì vậy, khi bà L có chứng cứ để chứng minh thì có quyền yêu cầu khởi kiện bằng 01 vụ án dân sự khác. Riêng yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần là có cơ sở xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T cho rằng bị cáo Vũ Thị T không phạm tội, bởi vì : Khu nhà của bị cáo T xây dựng được miễn giấy phép đối với nhà xây đến 01 trệt 03 lầu. Số tầng mà bị cáo T yêu cầu xây không vi phạm quy định. Hơn nữa, theo luật xây dựng, các cơ quan có thẩm quyền có quyền kiểm tra giám sát 02 tuần/ lần nhưng thực tế không có nên dẫn đến sai phạm xây dựng dẫn đến hậu quả. Bản vẽ thiết kế do Công ty D M Đ thực hiện nhưng công ty này không có chức năng thực hiện tư vấn xây dựng. Việc này thể hiện Công ty đã lừa dối, làm cho bà T tưởng rằng Công ty đủ khả năng thiết kế, xây dựng. Và theo quy định thì công ty thiết kế phải có nghĩa vụ giám sát nhưng Công ty D M Đ không thực hiện nghĩa vụ này. Khi hậu quả xảy ra, có một phần lỗi của Công ty thiết kế, do đó, ông Dương Công T3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty D M Đ phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc bồi thường, khắc phục hậu quả sập nhà chết người. Bị cáo Vũ Thị T là chủ đầu tư không có kiến thức về xây dựng. Khi T có nhu cầu xây dựng công trình đã ký hợp đồng kinh tế với Dương Công T3 để thực hiện bản vẽ thiết kế để thi công. T thuê Đinh Xuân C làm nhà thầu chính cho công trình của mình. Việc thực hiện theo bản thiết kế, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng là trách nhiệm của nhà thầu trực tiếp thực hiện bản thiết kế là Đinh Xuân C. Nếu có trình độ chuyên môn về xây dựng, C sẽ biết những rủi ro có thể xảy ra nếu xây dựng không đúng thiết kế. Tuy nhiên, do không hiểu biết về xây dựng nên không những C không ngăn cản ý định xây thêm lầu của T mà còn chỉ đạo Đinh Văn H thực hiện việc xây thêm tầng lầu, trái với bản thiết kế, khiến móng công trình không chịu được trọng lực nên dẫn đến sụp đổ hoàn toàn công trình. Do đó, trách nhiệm về thiệt hại gây ra là của bị cáo Đinh Xuân C và Đinh Văn H, kháng nghị của Viện Kiểm sát về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C, Đinh Văn H là phù hợp với kháng cáo của bị hại ông Phạm Xuân O, Phạm Văn U, Phạm Thùy L.

Qua đó cho thấy, hành vi của bị cáo Vũ Thị T không cấu thành tội phạm, đề nghị tuyên bố bị cáo vô tội.

Bị cáo T thống nhất với ý kiến của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo C cho rằng: Giữa chủ đầu tư và bên thiết kế đã thống nhất với kết cấu 01 trệt 03 lầu căn cứ theo giá trị hợp đồng thiết kế bản vẽ, chủ đầu tư tự động yêu cầu thợ xây dựng theo ý muốn mà không bàn bạc với nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ trả tiền sau khi thực hiện xong công trình, vì vậy, khi đang thi công nếu không làm theo ý chủ đầu tư thì sẽ bị đuổi mà không lấy được tiền. Phần thi công bị cáo đã giao hết cho bị cáo H nên bị cáo không liên quan gì nữa.

Ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Vũ Thị T cho rằng mình bị oan và đề nghị minh oan cho bị cáo; bị cáo Đinh Xuân C và Đinh Văn H xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung:

Khoảng tháng 7 năm 2009, Vũ Thị T thuê Đinh Xuân C xây dựng nhà để kinh doanh hoạt động karaoke gia đình tại địa chỉ khu nhà ở S, thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương, sau đó Đinh Xuân C thuê Đinh Văn H trực tiếp xây dựng công trình. Do công trình xây dựng không đúng với hồ sơ thiết kế và bản vẽ thi công (xây dựng tăng thêm 02 tầng) nên khoảng 15 giờ ngày 19/12/2009, trong lúc một số công nhân đang thi công thì công trình đã sụp đổ hoàn toàn gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng làm chết 03 (ba) người, bị thương 08 (tám) người, thiệt hại căn nhà theo kết luận định giá có giá trị 1.920.864.000 đồng và một số tài sản khác.

Hành vi trên của các bị cáo đã vi phạm các quy định trong lĩnh vực xây dựng về năng lực hành nghề xây dựng, thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm, vi phạm chế độ giám sát thi công, hợp đồng xây dựng, vi phạm quy chế xây dựng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 10, Điều 87, khoản 2 Điều 100 Luật Xây dựng năm 2003; khoản 3 Điều 36 Nghị định 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ và quy chế quản lý xây dựng khu nhà ở S, thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương, gây hậu quả làm chết 03 người, bị thương 08 người, thiệt hại căn nhà trị giá 1.920.864.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 298 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T về việc kêu oan, kháng cáo của Đinh Xuân C, Đinh Văn H về xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã rút kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị T. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo và kháng cáo của ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn Uyên, bà Phạm Thùy L: Hội đồng xét xử xét thấy, Bị cáo T là chủ nhà và chủ đầu tư công trình, là người trực tiếp thỏa thuận thuê bị cáo C xây dựng nhà ở và kinh doanh với mục đích ban đầu xây dựng (có bản vẽ thiết kế) 01 trệt + 02 lầu lợp mái Tole, trong quá trình xây dựng do có nhu cầu tăng thêm tầng mà bị cáo T đã yêu cầu bị cáo C xây dựng thêm 01 lầu và đổ thêm thành 01 tấm (tức tăng thêm sự chịu lực cho nền móng cũng như lực của các trụ cột là 02 tấm) là sai thiết kế ban đầu. Tuy bản thân bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng vì nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã cố ý về hành vi để hậu quả rất nghiêm trọng xảy ra đây là lỗi của bị cáo. Nhưng trong vụ án này vai trò bị cáo là đầu vụ, do bị cáo nhận thức hạn chế về xây dựng nên khi bị cáo có thêm tiền và yêu cầu bị cáo C xây tăng thêm tầng. Nếu có trình độ chuyên môn về xây dựng, bị cáo C và bị cáo H đã từ chối yêu cầu xây thêm tầng của bị cáo T nhưng các bị cáo C và H cũng vì lợi ích trước mắt đã nhận xây dựng theo ý muốn của bị cáo T. Các bị cáo đã thấy trước sự nguy hiểm và hậu quả sẽ xảy ra nhưng vì lợi ích cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện dẫn đến hậu quả là 03 người chết, 08 người bị thương và thiệt hại toàn bộ giá trị ngôi nhà. Trong vụ án này, bị cáo Vũ Thị T bị thiệt hại về tài sản là ngôi nhà, bồi thường cho những người bị tai nạn và chính mình cũng mất một đứa con do tai nạn, một đứa con thì bị thương tật vĩnh viễn không gì đền bù được. Do đó, mức án cấp sơ thẩm tuyên buộc đối với bị cáo Vũ Thị T là phù hợp. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh bị cáo bị oan nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và kháng cáo của ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U và bà Phạm Thùy L.

[2.2] Đối với bị cáo Đinh Xuân C: Bị cáo C là nhà thầu chính thi công công trình nhưng không có năng lực hành nghề xây dựng, không có chứng chỉ hành nghề, không đủ kiến thức chuyên môn nhưng vẫn nhận thầu thi công công trình nhà ở cho bị cáo Vũ Thị T. Khi thi công công trình, C đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công; thi công xây dựng không đúng thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, xây thêm tầng lầu không đảm bảo, không từ chối xây dựng khi được yêu cầu xây dựng thêm tầng lầu trái quy định của pháp luật dẫn đến hậu quả là sụp đổ toàn bộ công trình làm chết 03 người và 08 người bị thương, gây ra thiệt hại lớn về tài sản. Bị cáo C có vai trò chính yếu dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng làm 03 người chết và thiệt hại về tài sản 1.920.864.000 đồng. Vì vậy, mức án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 02 năm 06 tháng tù là không phù hợp so với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị đề nghị tăng nặng

mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với hành vi của Đinh Văn H: Ngay sau khi Đinh Xuân C nhận thầu với giá 600.000 đồng/m² từ chủ đầu tư là Vũ Thị T, C giao lại cho H xây dựng phần thô là 400.000 đồng/m². H là người trực tiếp thuê thợ, điều hành công việc của thợ trong quá trình thi công và tham gia thi công xây dựng, tất cả thợ tham gia thi công công trình đều nhận lương từ H. Khi được yêu cầu xây thêm tầng 3, tầng 4, H không đồng ý, nhưng sau đó H vẫn nhận làm. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2016 (bút lục số 656, 657) C khai “Tôi nhận làm công trình của chị T vì tôi tin tưởng H sẽ làm được nhà vì H trước đây, tôi biết có làm nhiều nhà cao tầng ở Thành phố Hồ Chí Minh, bản thân H có bằng cấp chuyên môn về xây dựng hay không thì tôi không biết”. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 4/10/2016 (bút lục 652, 653) H khai “H không có trình độ chuyên môn về xây dựng... H xây nhà dưới sự chỉ đạo giám sát của C, C bảo xây dựng thế thì thì làm thế đó”. Xét thấy, trong quan hệ thi công xây dựng công trình, Đinh Văn H giữ vai trò là nhà thầu phụ (theo quy định tại khoản 24 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2003) vì H là người nhận thi công toàn bộ phần thô của căn nhà, quản lý một nhóm thợ, chi trả lương cho nhóm thợ đó. Đồng thời, khi nhận thực hiện một phần công việc của nhà thầu chính là Đinh Xuân C, Đinh Văn H nhận lại với số tiền khoán 400.000 đồng/m², tự tổ chức thi công và tự chịu khi phát sinh lỗi sau khi thi công xong.

Như vậy, Đinh Văn H không có trình độ chuyên môn về xây dựng, không biết đọc bản vẽ, thi công không đúng với thiết kế. Khi được yêu cầu xây dựng thêm tầng 3, tầng 4, nếu như có trình độ chuyên môn H sẽ đánh giá được nguy hiểm có thể xảy ra. Nếu C và T vẫn yêu cầu H tiếp tục xây dựng, H có thể từ chối xây dựng và hủy bỏ hợp đồng (nếu có). Do đó, H nhận thầu toàn bộ phần thô của căn nhà nhưng không có đủ năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng đã dẫn đến sập đổ toàn bộ công trình gây thiệt hại nghiêm trọng. Do đó, Đinh Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên kháng cáo kêu oan của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Nhận thấy, trong vụ án này, bị cáo có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo C, bị cáo xác định không biết đọc, viết, chỉ làm theo yêu cầu của bị cáo T, C và không nhận thức được hậu quả nhưng qua vụ việc này cho thấy bản thân bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo nhận lãnh xây dựng toàn bộ phần thô của công trình khi bị cáo T và C yêu cầu xây dựng thêm tầng bị cáo đã nhận thấy mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả xảy ra nhưng bị cáo vẫn tiếp tục xây dựng cho đến khi công trình gần hoàn thiện như yêu cầu và cuối cùng hậu quả đã xảy ra, cho thấy bản thân bị cáo đã xem thường tính mạng của những nhân công do bị cáo trực tiếp thuê làm việc. Vì vậy, đơn kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở xem xét. Mức án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 02 năm 03 tháng tù là không phù hợp so với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo cùng bị

cáo Cầu gây ra. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[2.4] Đối với kháng cáo của ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn T và bà Phạm Thùy L bị cáo Vũ Thị T về phân trách nhiệm dân sự và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4.1] Về phần xác định trách nhiệm bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Vũ Thị T chịu 40% trên mức thiệt hại là phù hợp, bởi trong vụ án này toàn bộ trị giá tài sản thiệt hại tuy của hộ gia đình nhưng bản thân bị cáo là người gián tiếp gây ra hậu quả này. Bị cáo Đinh Xuân C chịu trách nhiệm với 35%, bị cáo Đinh Văn H chịu trách nhiệm 25%.

[2.4.2] Đối với ông Dương Công T3, giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Dịch vụ D M Đ được bị cáo T thuê vẽ thiết kế nhà. Sau đó, bị cáo T tự ý thuê C xây dựng, do vậy ông T3 không liên quan đến việc thi công công trình của bị cáo T. Đồng thời, bản thiết với kết cấu 01 trệt + 02 lầu + mái tole nhưng công trình xây dựng không như thiết kế. Do đó, không có cơ sở xem xét trách nhiệm của ông Dương Công T3.

[2.4.3] Bà Phạm Thùy L kháng cáo yêu cầu bị cáo H và bị cáo C phải bồi thường số tiền 248.585.000 đồng do bà L điều trị thương tích do mất khả năng lao động. Xét thấy, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bà L không yêu cầu. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà L yêu cầu bồi thường: Chi phí cấp cứu và phẫu thuật 03 ngày là 3.603.000 đồng; chi phí chữa trị 01 tháng là 2.995.000 đồng; chi phí người thân chăm sóc, chi phí lắp chân giả và điều trị; chi phí t/o thất tinh thần. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L chỉ nộp được hóa đơn chứng minh về chi phí cấp cứu và phẫu thuật 03 ngày là 3.603.000 đồng; chi phí chữa trị 01 tháng là 2.995.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản phí này. Đối với chi phí người thân chăm sóc, điều trị bà L không cung cấp được hóa đơn chứng từ, nên nếu có hóa đơn, chứng cứ thì bà L có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần cho bà Phạm Thùy L được chấp nhận là 50 tháng lương cơ sở (tỷ lệ bồi thường của các bị cáo T, C, H là 40%+ 35%+25%).

[2.4.4] Về trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đ N: Tòa án đã nhiều lần trả hồ sơ yêu cầu làm rõ trách nhiệm hình sự đối với đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ N, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát đã làm việc và xác định Công ty Cổ phần Đ N chưa có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự nên yêu cầu của các bị hại và bị cáo T là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4.5] Đối với yêu cầu bị cáo C và bị cáo H bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị cáo Vũ Thị T do con của bị cáo là Phạm Anh T2 đã chết: Xét thấy, có cơ sở chấp nhận số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 100 tháng lương cơ sở (tỷ lệ bồi thường của các bị cáo T, C, H là 40%+35%+25%).

[2.4.6] Riêng đối với yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo C và H là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

[3] Từ những lập luận trên, xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo T cùng các bị hại là có cơ sở xem xét về phần hình phạt đối với bị cáo C, H và một phần yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự về mức tổn thất tinh thần. Các nội dung kháng cáo khác không có cơ sở xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T về kháng cáo kêu oan; kháng cáo của bị cáo Đinh Xuân C, Đinh Văn H về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Xuân O, ông Phạm Văn U, bà Phạm Thùy L về kêu oan cho bị cáo T và một phần trách nhiệm dân sự.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C, Đinh Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C và Đinh Văn H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C và Đinh Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo về dân sự đối với đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Anh T2 và bị hại Phạm Thùy L; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phạm Văn U, Phạm Xuân O, Phạm Thùy L về việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đinh Xuân C, Đinh Văn H; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn U, Phạm Xuân O, Phạm Thùy L về kháng cáo kêu oan cho bị cáo Vũ Thị T và một phần trách nhiệm dân sự, xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Dương Công T3 và Công ty Cổ phần Đ N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C, Đinh Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 298; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Xuân C 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/8/2016 đến ngày 09/11/2016.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh Xuân C bồi thường cho bị hại Phạm Xuân O số tiền $1.920.064.000 \text{ đồng} \times 35\% = 672.022.400 \text{ đồng}$.

Buộc bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho bị hại Phạm Xuân O số tiền $1.920.064.000 \text{ đồng} \times 25\% = 480.016.000 \text{ đồng}$.

Về bồi thường tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của Phạm Anh T2 là ông Phạm Xuân O: Buộc Bị cáo Đinh Xuân C bồi thường số tiền 52.150.000 đồng; bị cáo Đinh Văn H phải bồi thường số tiền: 37.250.000 đồng.

Về tiền bồi thường tổn thất tinh thần, chi phí cấp cứu, phẫu thuật, điều trị cho Phạm Thùy L: Buộc bị cáo Đinh Xuân C bồi thường 28.384.300 đồng; bị cáo Đinh Văn H phải bồi thường số tiền: 20.274.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vũ Thị T, Đinh Xuân C, Đinh Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố D (6);
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D ;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;
- Công an thành phố D (6);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (9);
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức